

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HS-ST  
Ngày: 28 - 9 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.
2. Ông Hồ Đắc Minh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:***  
Ông Võ Thế Duẩn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân L, sinh năm 1986; tại Đ; hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 10, phường A, thị xã B, tỉnh Đ; tạm trú: Khu phố Đồng An 2, phường B1, thành phố Th, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần Xuân B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; bị cáo có 04 em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1995; có vợ tên Trần Thị A, sinh năm 1985 (đã ly hôn); có 01 người con, sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án:

- Ngày 16/6/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 165/2010/HS-PT.

- Ngày 22/11/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ tuyên phạt 13 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 377/2010/HS-PT và tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 165/2010/HS-PT, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 15 năm 06 tháng tù chấp hành án tại trại giam Gia Trung, tỉnh Gia Lai. Ngày 07/02/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt (được

giảm án 04 năm 03 tháng) được trả tự do. Bị cáo chưa được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 28/11/2021 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Xuân V, sinh năm 1995; tại Đ; hộ khẩu thường trú: Thôn 02b, xã Ea, thị xã B, tỉnh Đ; tạm trú: Khu phố Đồng An 2, phường B, thành phố Th, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964; bị cáo có 04 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 28/11/2021 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Có mặt.

3. Hoàng Phi N, sinh năm 2000; tại Đ; hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 10, phường A, thị xã B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Hoàng Phước Th, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1967; bị cáo có 03 chị, em, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 28/11/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1992 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Kim Phát Nh; địa chỉ: Số 14/1A, khu phố đồng An 2, phường B, thành phố Th, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1991 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Thành Tân S; địa chỉ: Số 32B Nguyễn Thái Sơn, phường 3, quận G, thành phố H.

3. Bà Đỗ Nhật Th2, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố Đồng An 2, phường B, thị xã Th, tỉnh B.

4. Ông Lại Bạch Thiên D, sinh năm 1978 - Chủ Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Mười D II; địa chỉ: Số 48H/1 đường Bình Hòa 7, khu phố Đồng An 2, phường B, thị xã Th, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Bà Trương Thị Ngọc Th3, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 754 Quốc lộ 13, khu phố 4, phường H, thành phố Th, thành phố H theo Giấy ủy quyền ngày 16/10/2018.

5. Ông Hoàng Phước Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thị xã B, tỉnh Đ.

6. Bà Nguyễn Thị Th4, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thị xã B, tỉnh Đ.

7. Bà Trần Thị Thùy L1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thị xã B, tỉnh Đ.

Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 17/11/2021, Trần Xuân L nảy sinh ý định tìm tài sản của người dân trộm cắp để lấy tiền tiêu xài nên rủ Nguyễn Xuân V cùng đi trộm cắp tài sản, V đồng ý, V điều khiển xe mô tô hiệu KITAFU màu đỏ đen, biển số 48AB – 411.39 chở L từ phòng trọ tại khu phố Đồng An 2, phường B, thành phố Th, tỉnh B đi theo các tuyến đường để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/11/2021, khi V chở L đến đường DT 748 thuộc ấp Hồ cận, xã A, huyện D, tỉnh B, L phát hiện nhà bà Nguyễn Ngọc Y, khóa cửa bên ngoài, không có người trông coi nên L kêu V dừng xe để L đột nhập vào trong nhà bà Y trộm cắp tài sản, còn V đứng ngoài đường canh giới và chờ L. Tiếp đó, L đi bộ ra phía sau nhà dùng cây tre phá hàng rào kẽm B40 rồi đi vào khuôn viên nhà, L đến cửa sổ nhà vệ sinh phía sau nhà, dùng tay lấy các tấm kính cửa sổ bằng thủy tinh xuống, rồi dùng cây gỗ và cán cuốc bằng kim loại phá gãy song sắt cửa sổ tạo thành lỗ hổng, sau đó L trèo vào bên trong nhà lục soát tìm tài sản để lấy trộm. Khi vào trong nhà bà Y, L mở cửa sau ngôi nhà, khi lục soát đến phòng ngủ của bà Y thì phát hiện có 01 cái két sắt, L dùng cái mền bằng vải để dưới đất, lật két sắt lên, kéo ra ngoài, sau đó ra phía sau nhà lấy 01 dao rựa, 01 cái cuốc, 02 cái xà beng bằng kim loại để đục phá két sắt lấy trộm tài sản bên trong. L đã lấy tất cả tài sản bên trong két sắt gồm: Tiền Việt Nam 110.000.000 đồng, nhiều nữ trang và trang sức bằng vàng, bạc, kim cương, trong quá trình lấy tài sản L có bỏ sót một số đồ trang sức bên trong két sắt. Sau khi lấy trộm được tài sản, L bỏ vào túi mang ra ngoài kêu V điều khiển xe mô tô chở L về lại phòng trọ, L cất giấu tài sản vào ba lô.

Sau khi về đến phòng trọ, Trần Xuân L đã nói cho Hoàng Phi N biết việc L và V trộm cắp được tiền và muốn gửi nhờ vào tài khoản của N số tiền 50.000.000 đồng, N đồng ý và cung cấp số tài khoản để L chuyển tiền vào. L đã chuyển vào số tài khoản 0071001272874, ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản Hoàng Phi N, số tiền 50.000.000 đồng cho N cất giữ.

Ngày 18/11/2021, L đem tài sản trộm cắp được đến bán cho các tiệm vàng Kim Phát N; Kim Thành H, Mươi D II trên địa bàn phường B, thành phố Th với tổng số tiền khoảng hơn 156.200.000 đồng, cụ thể như sau: Khoảng 12 giờ ngày 18/11/2021, L đến tiệm vàng Kim Phát Nh tại địa chỉ 14/1A, Khu phố Đ, phường B, thành phố Th, tỉnh B do Nguyễn Văn S, sinh năm 1992 làm chủ, L bán số tài sản trộm cắp được gồm: 01 chiếc vòng đeo tay hình hoa mai, đính đá màu

xanh; 01 mặt dây chuyền hình hoa mai có đính đá màu xanh; 01 chiếc nhẫn có đính đá màu đỏ; 01 dây chuyền kiểu bi; 01 dây chuyền có mặt hột tằm trắng và hột đỏ; 01 mặt dây chuyền có đính đá màu xanh; 01 chiếc nhẫn hột tím; 01 mặt dây chuyền có đính đá màu hồng; 02 chiếc bông tai có đính đá đỏ với số tiền 67.300.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ, cùng ngày, L tiếp tục đem 01 chiếc nhẫn vàng; 01 đôi bông tai vàng; 02 chiếc bông đeo tai bằng kim loại màu trắng, mặt có đính nhiều hạt đá màu trắng, trên bông tai có chữ PNJ 685R; 03 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, có đính nhiều hạt đá màu trắng; 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, mặt hình hoa mai có đính nhiều hạt đá màu trắng; 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn có chữ 14KNH mặt có đính 01 hạt tròn màu đen; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, không có chữ, mặt hình hoa có 06 cánh có đính nhiều hạt đá màu trắng; 01 một vòng đeo tay bằng bạc có hột màu trắng; 01 nhẫn bạc đến tiệm vàng Kim Phát Nh bán cho Nguyễn Văn S với tổng số tiền 8.400.000 đồng. Sau khi mua của L, Nguyễn Văn S đã nấu 02 chiếc bông tai có đính đá đỏ; 01 mặt dây chuyền có đính đá màu xanh chung với nhau và nấu 01 một vòng đeo tay bằng bạc có hột màu trắng; 01 nhẫn bạc chung với một số món bạc trong tiệm vàng, số còn lại S đem đến tiệm vàng Kim Th, tại địa chỉ số 32B đường Nguyễn Thái Sơn, phường 3, quận G, thành phố H do Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1991 làm chủ, S bán được tổng số tiền 70.500.000 đồng. Sau khi mua trang sức của S thì Đ đã nấu chảy 01 một mặt dây chuyền bằng vàng 610, có đính hạt đá hình bầu dục màu tím chung với một số món trang sức khác của tiệm vàng. Cùng ngày 18/11/2021, L đem một số tài sản trộm cắp được (không xác định được số lượng, loại) đến tiệm vàng Mười D II, địa chỉ khu phố Đồng An 2, phường B, thành phố Th, tỉnh B bán cho Đỗ Nhật Th2, sinh năm 1997 là nhân viên tiệm vàng Mười D II được số tiền hơn 10.000.0000 đồng. Số tiền trộm được và bán tài sản trộm cắp được, Trần Xuân L đưa cho Nguyễn Xuân V 6.500.000 đồng; đưa cho Hoàng Phi N 5.000.000 đồng; chuyển cho Nguyễn Thị Th4, sinh năm 1976, ngụ tổ dân phố 1, phường Th, thị xã B, tỉnh Đ (Dì ruột của L) 10.000.000 đồng qua số tài khoản của bà Th4, để nhờ bà Th4 mua hộ gói bảo hiểm của Công ty bảo hiểm TCA; chuyển cho Trần Thị Thùy L, sinh năm 1993, ngụ tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đ (Em ruột của L) số tiền 1.000.000 đồng qua số tài khoản của L1 để trả nợ do Lập đã mượn tiền của L1 trước đó. Số tiền còn lại L cất giữ, đánh bạc, tiêu xài cá nhân hết, còn lại là 2.850.000 đồng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm: Thu giữ tại hiện trường: 14 hột bằng kim loại màu vàng, đường kính 04 mm, có lỗ ở giữa đường kính 01 mm (không rõ trọng lượng); 11 hột bằng kim loại màu vàng, đường kính 02 mm, có lỗ ở giữa đường kính 01 mm (không rõ trọng lượng); 01 cây xà beng dài 44 cm, đường kính 02 cm; 01 cây xà beng dài 79 cm, đường kính 02 cm; 01 dao rựa cán gỗ tròn đường kính 04 cm, dài 66 cm, lưỡi bằng kim loại dài 34 cm, bản rộng 08 cm; 01 cái cuốc dài 1,3 m, cán bằng kim loại tròn đường kính 3,5 cm, lưỡi cuốc dài 25 cm, bản rộng 9,5 cm, bị gãy đầu hàm giữa cán cuốc và lưỡi hướng từ trước ra sau KT (3x1cm); 01 khúc gỗ

hình tròn đường kính 04 cm, dài 80 cm; 04 thanh sắt hình vuông KT (1,5 x 1,5 cm) sơn màu xanh.

Thu giữ tại nơi ở của Trần Xuân L: 01 cái áo thun ngắn tay màu trắng trước ngực áo có chữ LASE3; 01 cái áo khoác có khóa kéo, tay dài màu đỏ phía sau lưng áo có chữ NIKE; 01 quần Jean màu xanh loại quần dài, ở lưng quần có may miếng da màu trắng, trên miếng da có chữ Jeans Style; 01 mũ bảo hiểm loại trùm nửa đầu màu đỏ, có lưỡi trai màu đen; 01 đôi dép kẹp màu xanh trắng trên quai dép có chữ ADDA; 10 hột bằng kim loại màu vàng, đường kính 04 mm, có lỗ ở giữa, đường kính 01 mm; 11 hột bằng kim loại màu vàng, đường kính 02 mm, có lỗ ở giữa, đường kính 01 mm (không rõ trọng lượng); Tiền Việt Nam 2.850.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52S màu đen, số Imei: 355289663464485, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 89840200011184510004.

Thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Xuân V: 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, vòng tay kiểu bông hoa, có móc khóa kiểu chữ S (không rõ trọng lượng); 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, kiểu bông hoa, có đính hột màu tím và trắng (không rõ trọng lượng); 01 áo thun ngắn tay màu trắng phía trước ngực áo có chữ LOVEABDPEACE, FREEDOM; 01 áo khoác màu đen loại có khóa kéo, có mũ gắn ở phần cổ áo, trên vai áo có chữ Guool, trên ngực trái áo có đính miếng nhựa màu đen, trên miếng nhựa có chữ LOUIS VOGUE; 01 quần tây loại quần dài màu đen; 01 đôi dép quai kẹp màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh, trên nón có chữ SPORT BICYCLE HELMET; tiền Việt Nam 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10, màu xanh số Imei: 866534054710182/01, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 898402000; 01 xe mô tô nhãn hiệu Kitafu, loại xe hai bánh dưới 50 cm<sup>3</sup>, số máy 5900965, số khung HA900965, màu đỏ - đen, biển số 47AB – 411.39.

Thu giữ của Hoàng Phi N: 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcom bank mang tên Hoàng Phi N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei: 357300099212212, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số: 8984048000067172772; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 47C1 – 033.13, số máy 5C64660660, số khung C640BY660666; Tiền Việt Nam 55.000.000 đồng.

Thu giữ tại tiệm vàng Kim Th tại địa chỉ số 32B Nguyễn Thái Sơn, phường 3, quận G, thành phố H: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có chữ PS610, kiểu mắt xích hình trái tim, có kèm mặt đính nhiều hạt đá màu hồng, trắng (không rõ trọng lượng); 01 sợi dây chuyền kiểu chuỗi hạt, bằng kim loại màu vàng có chữ PPJ610 (không rõ trọng lượng); 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng hình hoa mai, có đính hạt đá màu xanh và nhiều hạt đá màu trắng, bên trong có chữ YD610 (không rõ trọng lượng); 01 mặt dây chuyền hình hoa mai có đính đá màu xanh, trắng bằng kim loại màu vàng, có chữ PPJ29 (không rõ

trọng lượng); 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có đính hạt đá màu tím và nhiều hạt đá màu trắng, có chữ PPJ75 (không rõ trọng lượng); 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính hạt đá màu tím, trắng có chữ 946ML (không rõ trọng lượng); 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính hạt đá màu đỏ, trắng có chữ ML (không rõ trọng lượng); 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, có mặt hình hoa mai, đính hạt đá màu xanh, trắng có chữ PPJ85 (không rõ trọng lượng); 01 hạt đá hình bầu dục màu tím, kích thước 1 cm x 1,5 cm.

Thu giữ tại tiệm vàng Kim Phát Nh tại số 14/1A khu phố Đồng An 2, phường B, thành phố Th, tỉnh B: 02 chiếc bông đeo tai bằng kim loại màu trắng, mặt có đính nhiều hạt đá màu trắng, trên bông tai có chữ PNJ 685R (không rõ trọng lượng); 02 hạt đá màu tím hình bầu dục, kích thước 0,8 cm x 0,6 cm; 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, có đính nhiều hạt đá màu trắng (không rõ trọng lượng); 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, mặt hình hoa mai có đính nhiều hạt đá màu trắng (không rõ trọng lượng); 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, có đính nhiều hạt đá màu trắng (không rõ trọng lượng); 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, có đính nhiều hạt đá màu trắng (không rõ trọng lượng); 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn có chữ 14KNH mặt có đính 01 hạt tròn màu đen (không rõ trọng lượng); 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, không có chữ, mặt hình hoa có 06 cánh có đính nhiều hạt đá màu trắng (không rõ trọng lượng); 01 cục kim loại màu vàng, không rõ hình, kích thước 1,5 cm x 1,1 cm (không rõ trọng lượng).

Ngày 29/11/2021, sau khi biết số tiền 10.000.000 đồng do L chuyển đến là tài sản chiếm đoạt của người khác, bà Nguyễn Thị Th4 giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D.

Ngày 29/3/2022, sau khi biết số tiền 1.000.000 đồng do L chuyển đến là tài sản chiếm đoạt của người khác, bà Trần Thị Thùy L1 đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 10/KL-HĐĐG ngày 11/02/2022, của Ủy ban nhân dân huyện D kết luận: Tổng giá trị tài sản trang sức bị chiếm đoạt theo lời khai bị hại là 439.699.070 đồng. Vậy, tổng số tài sản bị chiếm đoạt theo lời khai bị hại là 549.699.000 đồng (gồm tiền mặt 110.000.000 đồng; giá trị trang sức là 439.699.070 đồng; tiền công chế tác trang sức là 18.130.000 đồng).

Tuy nhiên, đối với tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền kiểu M2 cô dê hoa mai 3c trị giá 26.950.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bạc xi ngọc trai trị giá 2.400.000 đồng; 01 nhẫn vàng trắng 14K có đính kim cương trị giá 99.805.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 129.155.000 đồng, bị hại Nguyễn Ngọc Y khai bị mất trộm. Quá trình điều tra, do Trần Xuân L không thừa nhận việc đã lấy trộm số tài sản này và

ngoài lời khai ra chưa đủ căn cứ kết luận Trần Xuân L và đồng bọn đã chiếm đoạt, nên Cơ quan cảnh sát điều tra chưa có căn cứ xử lý.

Như vậy, tổng tài sản do các bị cáo L, V chiếm đoạt Cơ quan điều tra đã xác định được là 420.544.070 đồng, gồm 110.000.000 đồng tiền mặt và 310.544.070 đồng giá trị tài sản là trang sức.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 71/CT- VKSDT- HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B truy tố các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Xuân V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Phi N về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân L từ 10 (mười) năm đến 12 (mười hai) năm tù.

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Phi N từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 14/02/2022, cơ quan điều tra Công an huyện D đã trả lại cho ông Ph, bà Y các tài sản bị Trần Xuân L và đồng phạm chiếm đoạt gồm: 68.850.000 đồng tiền mặt và các đồ trang sức bằng vàng có giá trị 220.144.480 đồng. Đối với các tài sản không thu hồi được có giá trị 131.549.590 đồng (420.544.070 đồng – (68.850.000 đồng + 220.144.480 đồng) thì ông Ph, bà Y yêu cầu Trần Xuân L và đồng phạm có trách nhiệm thanh toán lại. Yêu cầu của bà Yến, ông Ph là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 75.700.000 đồng mà ông S mua vàng của Trần Xuân L, hiện ông S đã giao nộp vàng cho cơ quan điều tra nên ông Sinh yêu cầu Trần Xuân L và đồng phạm thanh toán lại số tiền 75.700.000 đồng. Yêu cầu của ông S là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về vật chứng đề nghị xử lý như sau:

Ngày 12/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 24/QĐ-XLVC, giao trả cho bị hại (bút lục 161, 162), gồm tiền Việt Nam 68.850.000 đồng và các tài sản gồm: 01 cây xà beng dài 44cm, đường kính 02cm; 01 cây xà beng dài 79cm, đường kính 02cm; 01 dao rựa cán gỗ tròn đường kính 04cm, dài 66cm, lưỡi bằng kim loại dài 34cm, bản rộng 08cm; 01 cái cuốc dài 1,3m, cán bằng kim loại tròn đường kính 3,5cm, lưỡi cuốc dài 25cm, bản rộng 9,5cm, bị gãy đầu hàm giữa cán cuốc và lưỡi hướng từ trước ra sau KT(3x1cm); 01 khúc gỗ hình tròn đường kính 04cm, dài 80cm; 04 thanh sắt hình vuông KT (1,5x1,5cm) sơn màu xanh; 01 vòng đeo tay kiểu bông mai có móc khóa kiểu chữ S, hàm lượng vàng 99,10%, tổng khối lượng 11,2441 gam, khối lượng vàng 2,998 chỉ; 01 sợi dây chuyền kiểu chuỗi hạt có chữ “PPJ 10”, hàm lượng vàng 60,95%, tổng khối lượng 14,0935 gam, khối lượng vàng 3,760 chỉ; 01 mặt dây chuyền có chữ “PPJ75”, đính đá thường màu tím và nhiều hạt đá màu trắng, hàm lượng vàng 61,42%, tổng khối lượng 7,4198, khối lượng vàng 1,310 chỉ, khối lượng đá 0,41 chỉ; 01 nhẫn có chữ “946ML”, đính đá thường màu tím và trắng, hàm lượng vàng 61,72%, tổng khối lượng 8,5488 gam, khối lượng vàng 1,329 chỉ, khối lượng đá 0,95 chỉ; 01 sợi dây chuyền kiểu mắt xích hình trái tim có chữ PS610, kèm mặt đính nhiều hạt đá thường màu hồng và trắng, hàm lượng vàng 60,67%, tổng khối lượng 27,6984 gam, khối lượng vàng 6,460 chỉ, khối lượng đá 0,93 chỉ; 01 nhẫn có chữ “ML”, có đính đá thường màu đỏ và trắng, hàm lượng vàng 60,72%, tổng khối lượng 8,2681 gam, khối lượng vàng 1,820 chỉ, khối lượng đá 0,39 chỉ; 01 vòng đeo tay kiểu bông hoa có đính đá thường màu tím và trắng, hàm lượng vàng 60,34%, tổng khối lượng 22,0004 gam, khối lượng vàng 5,095 chỉ, khối lượng đá 0,77 chỉ; Bộ trang sức gồm: 01 vòng đeo tay có mặt hình hoa mai có chữ “PPJ85”, có đính đá thường màu xanh và trắng, hàm lượng vàng 60,93%, tổng khối lượng 21,8922 gam, khối lượng vàng 5,060 chỉ, khối lượng đá 0,36 chỉ; 01 mặt dây chuyền hình hoa mai có chữ “PPJ29”, có đính đá thường màu xanh và trắng, hàm lượng vàng 61,38%, tổng khối lượng 8,6161 gam, khối lượng vàng 1,150 chỉ, khối lượng đá 0,14 chỉ; 01 nhẫn hình hoa mai có chữ “TD610”, có đính đá thường màu xanh và trắng, hàm lượng vàng 60,19%, tổng khối lượng 5,7144 gam, khối lượng vàng 1,180 chỉ, khối lượng đá 0,09 chỉ; 01 nhẫn có chữ 14KNH, có đính hạt tròn màu đen đường kính 11.97 mm, hàm lượng vàng 59,86%, tổng khối lượng 7,8362 gam; 02 chiếc bông tai có chữ “PNJ585”, mặt có nhiều hạt đá kim cương, hàm lượng vàng 59,10%, tổng khối lượng 4,8954 gam, khối lượng vàng 1,2174 chỉ, khối lượng đá 0,087 chỉ; 01 cục vàng, không rõ hình, kích thước 1,5 x 1,1cm, hàm lượng vàng 64,94%, tổng khối lượng 7,8324 gam; 14 hột vàng, đường kính 04mm, có lỗ ở giữa, đường kính 01mm, hàm lượng vàng 61,14%, tổng khối lượng 2,4226 gam; 11 hột vàng, đường kính



02mm, có lỗ ở giữa, đường kính 01mm, hàm lượng vàng 60,75%, tổng khối lượng 0,6514 gam; 10 hột vàng, đường kính 04mm, có lỗ ở giữa, đường kính 01mm, hàm lượng vàng 60,40%, tổng khối lượng 1,7371 gam; 10 hột vàng, đường kính 02mm, có lỗ ở giữa, đường kính 01mm, hàm lượng vàng 60,49%, tổng khối lượng 0,6539 gam; 01 hạt đá hình bầu dục màu tím, kích thước 1 x 1,5cm, tổng khối lượng 2.7444 gam; 02 hạt đá màu tím hình bầu dục, kích thước 0,8 x 0,6cm, tổng khối lượng 0,5131 gam; 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, có đính nhiều hạt đá màu trắng, tổng khối lượng 4,5794 gam, hàm lượng vàng 0,02%; 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, mặt hình hoa mai có đính nhiều hạt đá màu trắng, tổng khối lượng 2,6419 gam, hàm lượng vàng 0,02%; 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, có đính nhiều hạt đá màu trắng, tổng khối lượng 2,3998 gam, hàm lượng vàng 0,04%; 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, trên nhẫn không có chữ, có đính nhiều hạt đá màu trắng, tổng khối lượng 3,1186 gam, hàm lượng vàng 0,01%; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, không có chữ, mặt hình hoa có 06 cánh có đính nhiều hạt đá màu trắng, tổng khối lượng 14,4526 gam, hàm lượng vàng 0,06%, là đúng quy định pháp luật.

Đối với vật chứng gồm: 01 cái áo thun ngắn tay màu trắng trước ngực áo có chữ LASE3; 01 cái áo khoác có khóa kéo, tay dài màu đỏ phía sau lưng áo có chữ NIKE; 01 quần Jean màu xanh loại quần dài, ở lưng quần có may miếng da màu trắng, trên miếng da có chữ Jeans Style; 01 quần tây loại quần dài màu đen; 01 mũ bảo hiểm loại trùm nửa đầu màu đỏ, có lưỡi trai màu đen; 01 đôi dép kẹp màu xanh trắng trên quai dép có chữ ADDA; 01 áo thun ngắn tay màu trắng phía trước ngực áo có chữ LOVEABDPEACE, FREEDOM; 01 áo khoác màu đen loại có khóa kéo, có mũ gắn ở phần cổ áo, trên vai áo có chữ Guool, trên ngực trái áo có đính miếng nhựa màu đen, trên miếng nhựa có chữ LOUIS VOGUE; 01 đôi dép quai kẹp màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh, trên nón có chữ SPORT BICYCLE HELMET, là công cụ các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcom bank mang tên Hoàng Phi N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei: 357300099212212, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số: 8984048000067172772 thu giữ của Hoàng Phi N. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của Hoàng Phi N không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên đề nghị giao trả cho Hoàng Phi N.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen, biển số 47C1 – 033.13, số máy 5C64660660, số khung C640BY660666 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Phước Th, ông Th giao cho bị cáo N sử dụng, ông Th

không biết N sử dụng xe làm phương tiện chở bị cáo L tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên đề nghị trả lại cho ông Th.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52S màu đen, số Imei: 355289663464485, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 89840200011184510004 thu giữ của Trần Xuân Lập; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10, màu xanh số Imei: 866534054710182/01, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 898402000 thu giữ của Nguyễn Xuân V. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của L và V, không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên đề nghị giao trả cho bị cáo L, V.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Kitafu, loại xe hai bánh dưới 50cm<sup>3</sup>, số máy 5900965, số khung HA900965, màu đỏ - đen, biển số 47AB – 411.39 thu giữ của Nguyễn Xuân V do V làm chủ sở hữu hợp pháp. Quá trình điều tra xác định V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền kiểu M2 cô dê hoa mai 3c trị giá 26.950.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bạc xi ngọc trai trị giá 2.400.000 đồng; 01 nhẫn vàng trắng 14K có đính kim cương trị giá 99.805.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 129.155.000 đồng, bị hại Nguyễn Ngọc Y khai bị mất trộm và yêu cầu bồi thường. Quá trình điều tra, do Trần Xuân L không thừa nhận việc đã lấy trộm số tài sản này và ngoài lời khai ra chưa đủ căn cứ kết luận Trần Xuân L và đồng bọn đã chiếm đoạt, nên Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ khi có đủ căn cứ xử lý sau.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn S, Nguyễn Hải Đ, Đỗ Nhật Th3 khi thu mua tài sản của Trần Xuân L đem bán không biết đây là tài sản do L phạm tội có được nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Th4 và Trần Thị Thùy L1 do khi nhận tiền của Trần Xuân L gửi không biết đây là tiền do L phạm tội có được nên không đề cập xử lý.

Đối với tài sản bị hư hỏng do bị cáo L gây ra như cửa kính, kết sắt có giá trị không đáng kể, bị hại Nguyễn Ngọc Y, Nguyễn Văn Ph không yêu cầu định giá và bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như kết quả thẩm tra tại phiên tòa, lời khai và trình bày của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau:

Các bị cáo khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng, cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo không có ý kiến gì cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời khai trong quá trình điều tra và theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị hại trình bày: Thống nhất với nội dung Cáo trạng, ngày 14/02/2022, cơ quan điều tra Công an huyện D đã trả lại cho bà Y, ông Ph các tài sản bị Trần Xuân L và đồng phạm chiếm đoạt gồm: 68.850.000 đồng tiền mặt và các đồ trang sức bằng vàng có giá trị 220.144.480 đồng. Đối với các tài sản không thu hồi được có giá trị 131.549.590 đồng thì bà Y, ông Ph yêu cầu Trần Xuân L và đồng phạm có trách nhiệm thanh toán lại.

Lời khai trong quá trình điều tra và theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Ông Sinh thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, đối với số tiền 75.700.000 đồng mà ông Sinh mua vàng của Trần Xuân L, ông S đã bán cho ông Đ số vàng trị giá 70.000.000 đồng, ông Đông đã giao nộp cho cơ quan điều tra, nay ông S đã thanh toán lại cho ông Đ số tiền 70.000.000 đồng; số vàng còn lại ông S cũng đã giao nộp cho cơ quan điều tra nên ông S yêu cầu Trần Xuân L và đồng phạm thanh toán lại cho ông Si số tiền 75.700.000 đồng.

Ông Đông thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, đối với số vàng ông Đông mua của ông Sinh trị giá 70.000.000 đồng, ông Đông đã giao nộp cho cơ quan điều tra, nay ông Sinh đã thanh toán lại cho ông Đông số tiền 70.000.000 đồng nên ông Đông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Bà Th2 thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, bà Th2 là nhân viên của Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Mười D II, khi mua vàng của Trần Xuân L, bà Th2 không biết đây là số vàng do bị cáo L trộm mà có.

Bà Th3 thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, đối với số vàng mà Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Mười D II đã tiến hành chế tác lại nên không giao lại cho cơ quan điều tra Công an huyện D nên Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Mười D II không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Ông Th thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, ông Th là chủ sở hữu của chiếc xe máy biển số 47C1.033.13, ông Th giao cho con tên Hoàng Phi N sử dụng nhưng ông Th không biết N sử dụng xe để thực hiện hành vi chở Trần Xuân L đi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có, vì vậy ông Th yêu cầu được trả lại chiếc xe trên.

Bà Th4 thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, bà Th4 là dì ruột của bị cáo Trần Xuân L, ngày 18/11/2021, Lập có chuyển khoản cho bà Th4 số tiền 10.000.000 đồng để nhờ bà Thuyết mua bảo hiểm, bà Th4 không biết đây là tiền do Trần Xuân L trộm cắp mà có, vì vậy bà Th4 đã giao nộp lại số tiền 10.000.000 đồng cho cơ quan điều tra, bà Th4 không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Bà L1 thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, bà L1 là em ruột của bị cáo Trần Xuân L, ngày 18/11/2021, Lập có chuyển khoản cho bà L1 số tiền 1.000.000 đồng để trả nợ cho bà L1, bà L1 không biết đây là tiền do Trần

Xuân L trộm cắp mà có, vì vậy bà L1 đã giao nộp lại số tiền 1.000.000 đồng cho cơ quan điều tra, bà L1 không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng:

- Bị cáo L: Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng, cố gắng làm việc để nuôi con nhỏ, chăm lo cho gia đình.

- Bị cáo V: Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo N: Bị cáo nhận thức được hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với nội dung Bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với vật chứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài, khoảng 06 giờ ngày 17/11/2021, Nguyễn Xuân V điều khiển xe mô tô hiệu KITA FU màu đỏ đen, biển số 48AB – 411.39 chở Trần Xuân L đi tìm cơ hội trộm cắp tài sản.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/11/2021, tại ấp H, xã A, huyện, tỉnh B, lợi dụng lúc gia đình bị hại Nguyễn Ngọc Yến và Nguyễn Văn Ph không có nhà, Trần Xuân L và Nguyễn Xuân V đã lén lút cạy phá kết sắt lấy trộm tiền Việt Nam là 110.000.000 đồng và tài sản là trang sức trị giá 310.544.070 đồng. Tổng trị giá chiếm đoạt là 420.544.070 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản, Trần Xuân L về phòng trọ và nói cho Hoàng Phi N biết việc lấy trộm được tài sản của người khác, đồng thời nhờ N giữ dùm L 50.000.000 đồng tiền trộm cắp được

trong tài khoản ngân hàng của N và chia cho N 5.000.000 đồng và được N đồng ý.

Hành vi trên của các bị cáo L, V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Hoàng Phi N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số 71/CT- VKSDT- HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Các bị cáo L, V đã lợi dụng lúc bị hại vắng nhà, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bị hại để lén lút đột nhập vào nhà, đập phá kết sắt lấy trộm tài sản của bị hại. Tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị lớn, các bị cáo đã tiêu thụ vàng số lượng lớn để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, trộm cắp tài sản là hành vi luôn bị xã hội lên án, làm cho đạo đức xã hội xuống cấp, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang, bất an trong quần chúng nhân dân tại địa phương xảy ra vụ án. Hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Nam là vi phạm pháp luật nên cần phải xử lý các bị cáo với hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để biết việc trộm cắp tài sản, chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm có tính giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ từ trước, mục đích phạm tội là để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Về vai trò, ý chí thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Bị cáo L giữ vai trò cầm đầu, chủ mưu, là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, sau khi lấy được tài sản đã trực tiếp đi tiêu thụ bán lấy tiền và tiêu xài số tiền lớn. Bị cáo từng bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản, mới chấp hành án xong, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng, hành vi tiếp tục phạm tội của bị cáo cho thấy bị cáo chưa nhận thức được mức độ hành vi phạm tội của mình, thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên phải xử lý thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục.

Bị cáo V giữ vai trò đồng phạm tích cực, trực tiếp sử dụng xe của mình để làm phương tiện phạm tội, là người cảnh giới cho bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện ý chí quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo N là người đã sử dụng tài khoản của mình để cất dấu giúp bị cáo L số tiền 50.000.000 đồng trộm được, sử dụng xe của ông Hoàng Phước Th chở bị cáo L đi tiêu thụ tài sản trộm được và ăn chia số tiền 5.000.000 đồng.

Về nhân thân: Trước thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, các bị cáo V, N có nhân thân tốt, bị cáo L có nhân thân xấu.

Về tiền án, tiền sự: Các bị cáo V, N không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo L có một tiền án: Ngày 16/6/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 165/2010/HS-PT. Ngày 22/11/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ tuyên phạt 13 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 377/2010/HS-PT và tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 165/2010/HS-PT, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 15 năm 06 tháng tù chấp hành án tại trại giam Gia Trung, tỉnh Gia Lai. Ngày 07/02/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt (được giảm án 04 năm 03 tháng) được trả tự do. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo V, N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo L có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Bị cáo N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, xét nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt và xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với tính chất, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo N có nhân thân tốt; tại địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Bị cáo N có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo nên cho bị cáo N hưởng án treo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Xuân V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho người bị hại bà Y và ông Ph số tiền 131.549.590 đồng, thanh toán cho ông Nguyễn Văn S số tiền 75.700.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

Ngày 12/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 24/QĐ-XLVC, giao trả cho bị hại Nguyễn Ngọc Y và ông Nguyễn Văn Phc, các tài sản gồm tiền, vàng thu hồi được là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với vật chứng gồm: 01 cái áo thun ngắn tay màu trắng trước ngực áo có chữ LASE3; 01 cái áo khoác có khóa kéo, tay dài màu đỏ phía sau lưng áo có chữ NIKE; 01 quần Jean màu xanh loại quần dài, ở lưng quần có may miếng da màu trắng, trên miếng da có chữ Jeans Style; 01 quần tây loại quần dài màu đen; 01 mũ bảo hiểm loại trùm nửa đầu màu đỏ, có lưới trai màu đen; 01 đôi dép kẹp màu xanh trắng trên quai dép có chữ ADDA; 01 áo thun ngắn tay màu trắng phía trước ngực áo có chữ LOVEABDPEACE, FREEDOM; 01 áo khoác màu đen loại có khóa kéo, có mũ gắn ở phần cổ áo, trên vai áo có chữ Guool, trên ngực trái áo có đính miếng nhựa màu đen, trên miếng nhựa có chữ LOUIS VOGUE; 01 đôi dép quai kẹp màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh, trên nón có chữ SPORT BICYCLE HELMET, đây là công cụ các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcom bank mang tên Hoàng Phi N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen, biển số 47C1 – 033.13, số máy 5C64660660, số khung C640BY660666; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei: 357300099212212, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số: 8984048000067172772 thu giữ của Hoàng Phi N. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của Hoàng Phi N không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên đề nghị giao trả cho Hoàng Phi N là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52S màu đen, số Imei: 355289663464485, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 89840200011184510004 thu giữ của Trần Xuân L; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10, màu xanh số Imei: 866534054710182/01, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 898402000 thu giữ của Nguyễn Xuân V. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của L và V không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên đề nghị giao trả cho bị cáo L, V là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Kitafu, loại xe hai bánh dưới 50cm<sup>3</sup>, số máy 5900965, số khung HA900965, màu đỏ - đen, biển số 47AB – 411.39 thu

giữ của Nguyễn Xuân V do V làm chủ sở hữu hợp pháp. Quá trình điều tra xác định V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 47C1- 033.13 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Phước Th, ông Th giao cho bị cáo N sử dụng, ông Th không biết N sử dụng xe làm phương tiện chở bị cáo L tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên trả lại cho ông Th.

[6] Đối với tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền kiểu m2 cô dê hoa mai 3c trị giá 26.950.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bạc xi ngọc trai trị giá 2.400.000 đồng; 01 nhẫn vàng trắng 14K có đính kim cương trị giá 99.805.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 129.155.000 đồng, bị hại Nguyễn Ngọc Y khai bị mất trộm và yêu cầu bồi thường. Quá trình điều tra, do Trần Xuân L không thừa nhận việc đã lấy trộm số tài sản này, cơ quan điều tra không thu giữ được, ngoài lời khai ra, không có chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ kết luận Trần Xuân L và đồng bọn đã chiếm đoạt, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Văn S, Nguyễn Hải Đ, Đỗ Nhật Th3 khi thu mua tài sản của Trần Xuân L đem bán không biết đây là tài sản do L phạm tội có được nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Th4 và Trần Thị Thùy L1 do khi nhận tiền của Trần Xuân L gửi không biết đây là tiền do L phạm tội có được nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với tài sản bị hư hỏng do bị cáo L gây ra như cửa kính, két sắt có giá trị không đáng kể, bị hại Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Văn Ph không yêu cầu định giá và bồi thường nên ghi nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, căn cứ điều luật, khung hình phạt, hình phạt, mức hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Xuân V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Phi N phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân L 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/11/2021.



- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/11/2021.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Phi N 10 (mười) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Nam cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Không

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Xuân V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc Y và ông Nguyễn Văn Ph số tiền 131.549.590 đồng (một trăm ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm chín mươi đồng).

Buộc các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Xuân V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn S số tiền 75.700.000 đồng (bảy mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Kitafu, loại xe hai bánh dưới 50 cm<sup>3</sup>, số loại: Không rõ, số máy VDEJQ139FMB-5900965, số

khung RPEKCB9PEJA 900965, màu đỏ - đen, biển số 47AB – 411.39 mang tên Nguyễn Xuân V.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo thun ngắn tay màu trắng trước ngực áo có chữ LASER; 01 cái áo khoác có khóa kéo, tay dài màu đỏ phía sau lưng áo có chữ NIKE; 01 quần Jean màu xanh loại quần dài, ở lưng quần có may miếng da màu trắng, trên miếng da có chữ Jeans Style; 01 quần tây loại quần dài màu đen; 01 mũ bảo hiểm loại trùm nửa đầu màu đỏ, có lưỡi trai màu đen; 01 đôi dép kẹp màu xanh trắng trên quai dép có chữ ADDA; 01 áo thun ngắn tay màu trắng phía trước ngực áo có chữ LOVEABDPEACE, FREEDOM; 01 áo khoác màu đen loại có khóa kéo, có mũ gắn ở phần cổ áo, trên vai áo có chữ Guooi, trên ngực trái áo có đính miếng nhựa màu đen, trên miếng nhựa có chữ LOUIS VOGUE; 01 đôi dép quai kẹp màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh, trên nón có chữ SPORT BICYCLE HELMET.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Phi N: 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcom bank mang tên Hoàng Phi N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei: 357300099212212, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số: 8984048000067172772.

Trả lại cho bị cáo Trần Xuân L: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52S màu đen, số Imei: 355289663464485, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 89840200011184510004.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân V: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10, màu xanh, số Imei: 866534054710182/01, bên trong có gắn sim trên sim có dãy số 898402000.

Trả lại cho ông Nguyễn Phước Th: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe: Không rõ, số loại: Sirius, màu đỏ-đen, biển số 47C1 – 033.13, số máy 5C64660660, số khung RLCS5C640BY660666, dung tích xi lanh: Không rõ và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 010547, biển số đăng ký 47C1-033.13

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B).*

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Xuân V, Hoàng Phi N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Xuân V liên đới nộp 10.362.480 đồng (mười triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2022).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh B;
- Cơ quan điều tra Công an huyện D;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- UBND phường A,
- UBND xã Ea;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng**